

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



ĐÀM VĂN LỢI

**PHÁP LUẬT VỀ GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI
HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN KIỂM TRA
CHUYÊN NGÀNH, QUA THỰC TIỄN TẠI
CỤC HẢI QUAN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. HỒ NGỌC HIỂN**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH	3
1.1. Khái quát về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành.	3
1.1.1. Một số khái niệm.....	3
1.1.2. Vai trò của giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành	4
1.1.3. Nguyên tắc giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành	5
1.2. Nội dung, tiêu chí giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành	5
1.3. Tiêu chí đánh giá hoạt động giám sát đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành	6
1.4. Các yếu tố tác động đến việc thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành	6
1.4.3. Xu hướng cắt giảm, đơn giản hóa danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành.....	7
1.4.4. Hệ thống văn bản pháp luật.....	7
1.4.5. Các quy định về phạm vi, biện pháp, trách nhiệm của các cơ quan liên quan, Danh mục hàng hóa.	8
1.4.6. Đội ngũ cán bộ, công chức chuyên làm công tác giám sát hải quan	8
1.4.7. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	8

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH TẠI QUẢNG BÌNH .9

2.1. Thực trạng pháp luật giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành..... 9

2.1.1. Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành các Bộ ngành ..9

2.1.2. Quy định pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành..... 9

2.1.3. Đánh giá quy định pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành..... 11

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại tỉnh Quảng Bình..... 14

2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình..... 14

2.2.2. vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình..... 15

2.2.3. Nguyên nhân của vướng mắc 18

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁM SÁT QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH 21

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành 21

3.1.1. Phù hợp với các điều kiện thực tiễn và xu hướng phát triển kinh tế xã hội 21

3.1.2. Gắn liền với đổi mới và cải cách thủ tục hành chính về hải quan. 21

3.1.3. Đảm bảo hội nhập kinh tế quốc tế..... 22

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành.....	22
3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành	23
3.3.1. Ban hành đầy đủ Danh mục các mặt hàng thuộc diện kiểm tra chuyên ngành theo hướng thu hẹp diện kiểm tra chuyên ngành và tập trung trọng điểm những mặt hàng cần kiểm tra.	23
3.3.2. Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành làm căn cứ để kiểm tra.	23
3.3.3. Củng cố, xây dựng và hoàn thiện bộ máy kiểm tra chuyên ngành đáp ứng với yêu cầu thực tiễn trong trong giai đoạn hiện nay.....	24
3.3.4. Áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra chuyên ngành, áp dụng phương pháp kiểm tra chuyên ngành trên cơ sở phân tích thông tin rủi ro nhằm giảm thời gian thông quan hàng hóa	24
3.3.5. Một số giải pháp nâng cao và hoàn thiện các quy định của pháp luật giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình	25
KẾT LUẬN	27

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trải qua hơn 77 năm xây dựng và phát triển, Hải quan Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và quá trình đổi mới, phát triển, hội nhập của đất nước. Hệ thống pháp luật, chính sách về hải quan từng bước được hoàn thiện, phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo nền tảng pháp lý quan trọng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước theo hướng minh bạch, chuyên nghiệp.

Hoạt động kinh doanh, thương mại, dịch vụ diễn ra mạnh mẽ, lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, hành khách và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh ngày càng tăng tạo ra một thách thức cho công tác giám sát. Một trong những vấn đề đó là: Công tác giám sát đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành mà Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trong toàn Ngành đang rất quan tâm và cần nhiều nỗ lực thực hiện. Bởi không giải quyết tốt vấn đề này, dòng chảy thương mại sẽ gặp nhiều ách tắc, trì trệ hoặc thị trường trong nước sẽ bị ảnh hưởng vì hàng hóa không đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn tràn vào nội địa.

Từ những luận giải trên, đề tài: **“Pháp luật giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, qua thực tiễn tại Cục hải quan tỉnh Quảng Bình”** được nghiên cứu ở góc độ lý luận và thực tế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Ở nước ta, trong những năm qua đã có một số, bài viết liên quan trực tiếp, gián tiếp hoặc có liên quan đến vấn đề, chủ yếu là trên môi trường mạng Internet. Luận văn Pháp luật giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, qua thực tiễn tại Cục hải quan tỉnh Quảng Bình kế thừa một số nội dung sau: Khái niệm về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu, các quy định liên quan đến danh mục hàng hóa phải kiểm

tra chuyên ngành của các Bộ ngành, công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu; những bất cập của công tác kiểm tra chuyên ngành hiện nay và giải pháp trong thời gian tới.

Mục đích nghiên cứu của Luận văn trên cơ sở các vấn đề về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về kiểm tra chuyên ngành với hàng hóa xuất nhập khẩu; thực trạng giám sát đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành để đề xuất những định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác giám sát đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại Cục hải quan tỉnh Quảng Bình.

Để đạt được các mục đích nêu trên, Luận văn tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, nghiên cứu một số vấn đề lý luận về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật hải quan về giám sát đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành; qua nghiên cứu chỉ ra một số hạn chế của pháp luật hiện hành làm cơ sở cho giải pháp ở Chương 3.

Thứ ba, phân tích thực tiễn thực hiện pháp luật trên cơ sở đó chỉ ra một số hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của vướng mắc về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành.

Thứ tư, đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác giám sát chuyên ngành tại Cục hải quan tỉnh Quảng Bình

Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn: Luận văn sẽ bổ sung và góp phần hoàn thiện lý luận về pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành. Luận văn đánh giá thực tiễn và chỉ ra một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành. Luận văn là cơ sở để các tác giả nghiên cứu, giảng dạy và làm tài liệu tham khảo cho các cơ sở đào tạo hoặc xem xét vận dụng vào thực tế tại các Cục hải quan tỉnh.

CHƯƠNG 1:
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GIÁM SÁT
HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
THUỘC DIỆN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

1.1. *Khái quát về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành.*

1.1.1. *Một số khái niệm.*

- *Giám sát hải quan:* là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng để bảo đảm sự nguyên trạng của hàng hóa, sự tuân thủ quy định của pháp luật trong việc bảo quản, lưu giữ, xếp dỡ, vận chuyển, sử dụng hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải đang thuộc đối tượng quản lý hải quan.

- *Kiểm tra chuyên ngành:* là việc cơ quan kiểm tra chuyên ngành căn cứ các quy định về kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hàng hóa do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành hoặc tiêu chuẩn quốc tế hoặc các quy định pháp luật có liên quan để kiểm tra, xác định hàng hóa đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật có liên quan.

- *Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành* là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải kiểm tra về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

- *Hàng hóa:* bao gồm động sản có tên gọi và mã số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan.

- *Khu vực hải quan riêng* là khu vực địa lý xác định trên lãnh thổ Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; có quan hệ mua

bán, trao đổi hàng hóa với phần lãnh thổ còn lại và nước ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.

Kiểm tra chuyên ngành là việc cơ quan kiểm tra chuyên ngành căn cứ các quy định về kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hàng hóa do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành hoặc tiêu chuẩn quốc tế hoặc các quy định pháp luật có liên quan để kiểm tra, xác định hàng hóa đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật có liên quan.

Giám sát hải quan được thực hiện bằng các phương thức niêm phong hải quan; giám sát trực tiếp do công chức hải quan thực hiện; sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật. Căn cứ kết quả phân tích, đánh giá rủi ro và các thông tin khác có liên quan đến đối tượng giám sát hải quan, cơ quan hải quan quyết định phương thức giám sát phù hợp. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa.

Hàng hóa nhập khẩu chịu sự giám sát hải quan từ khi tới địa bàn hoạt động hải quan đến khi được thông quan, giải phóng hàng hóa và đưa ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan. Cơ quan hải quan có trách nhiệm thực hiện các phương thức giám sát phù hợp tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và bảo đảm quản lý hải quan đối với hàng hóa theo quy định của Luật hải quan. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật bảo đảm giám sát hải quan, đồng thời phải hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về giám sát hải quan của người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu và các bên có liên quan.

Giám sát hải quan có hiệu quả là tiền đề cho việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra hải quan, tính thuế và các vấn đề khác được thực hiện theo đúng quy định, đúng đối tượng.

1.1.2. Vai trò của giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành

Vai trò giao tiếp đối với doanh nghiệp là đại diện cho nhà nước (cơ quan chuyên ngành); đối với nội bộ là tạo sự liên kết để hoàn thành mục tiêu chung về quản lý hải quan.

Vai trò thông tin trong giám sát hàng hóa chuyên ngành thể hiện qua việc thu thập thông tin từ mọi nguồn, phổ biến thông tin từ trên xuống dưới và cung cấp thông tin cho cộng đồng doanh nghiệp và các bộ ngành liên quan.

Vai trò quyết định là vai trò quan trọng nhất của công tác giám sát, là người có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

1.1.3. Nguyên tắc giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành

- Cơ quan hải quan thực hiện giám sát đối với hàng hóa nhập khẩu kiểm tra chuyên ngành trên cơ sở môi trường pháp lý do các cơ quan hải quan, cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền tạo lập; đảm bảo thực thi đúng, chính xác về chính sách;

- Công tác giám sát hải quan góp phần vào sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu;

- Cơ quan hải quan góp phần đảm bảo dân chủ công bằng cho mọi thành phần kinh tế và mọi công dân tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, tổ chức triển khai thực hiện các quy định quản lý chuyên ngành, kiểm tra chuyên ngành, xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành ...

- Cơ quan hải quan thực hiện nguyên tắc quản lý, kiểm tra trên cơ sở đánh giá rủi ro, áp dụng rộng rãi thông lệ quốc tế, chuyển căn bản sang hậu kiểm; điện tử hóa thủ tục giám sát hàng hóa kiểm tra chuyên ngành...

- Các thương nhân, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện đúng các văn bản quy định pháp luật.

1.2. Nội dung, tiêu chí giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành

Nội dung giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành: Một là, tham gia đề xuất, góp ý, sửa đổi các kế hoạch, cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về kiểm tra chuyên ngành; các hệ thống văn bản pháp luật về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu vừa tuân thủ theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng pháp luật và cam kết quốc tế cũng như những thoả thuận song phương và đa phương. Hai là, tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật quy định về giám sát đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành. Ba là, kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

1.3. Tiêu chí đánh giá hoạt động giám sát đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành

Tiêu chí trực tiếp gồm tính hiệu lực, tính hiệu quả và tính phù hợp. Cơ bản đã đảm bảo phù hợp với thực tế, góp phần thực hiện được các mục tiêu, yêu cầu của Chính phủ. Các văn bản quy phạm pháp luật về giám sát hải quan có khả năng đạt được các mục tiêu giám sát thông qua việc sử dụng hợp lý các nguồn lực. Các văn bản quy phạm pháp luật về giám sát hải quan đảm bảo phù hợp với quan điểm, đường lối của Chính phủ theo các Nghị quyết của Chính phủ.

Tiêu chí gián tiếp: Tiêu chí đánh giá về thời gian thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tiêu chí đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành; tiêu chí áp dụng thông lệ quốc tế về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, chủ động áp dụng các kinh nghiệm tốt của các nước.

1.4. Các yếu tố tác động đến việc thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành

1.4.1. Hội nhập quốc tế về thương mại và hải quan

Việc tham gia vào các Hiệp định và các tổ chức quốc tế, ngoài việc tuân thủ các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam về quản lý chuyên ngành, Việt Nam phải tuân thủ các quy định về quản lý chuyên ngành của các Hiệp

định và tổ chức đã tham gia. Từ đó yêu cầu đặt ra đối với các cấp quản lý là phải làm thế nào để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành, hoạt động giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu trong tiến trình Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế

1.4.2. Ảnh hưởng của cơ chế chính sách thương mại đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế sẽ giúp các cơ quan quản lý và doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện tiếp thu những phương thức quản lý mới trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa. Theo đó, sẽ ảnh hưởng đến việc thay đổi trong xây dựng cơ chế chính sách quản lý hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính về kiểm tra chuyên ngành nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài cũng như việc doanh nghiệp Việt Nam được đối xử công bằng như các doanh nghiệp nước ngoài.

Vấn đề tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

1.4.3. Xu hướng cắt giảm, đơn giản hóa danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành

Trong quá trình hội nhập quốc tế, thực hiện các Hiệp định theo cam kết của WTO, các quốc gia từng bước rà soát, xây dựng Danh mục hạn chế định lượng chủ yếu tập trung vào việc ngăn cấm hoặc hạn chế nhập khẩu những hàng hoá tác động nhạy cảm đến môi trường như hoá chất độc hại, chất thải, động thực vật có nguy cơ lây lan dịch bệnh, động thực vật quý hiếm, nhập khẩu hàng hoá đã qua sử dụng, công nghệ, thiết bị cũ, lạc hậu.

1.4.4. Hệ thống văn bản pháp luật

Giám sát hải quan chỉ có thể được triển khai một cách có hiệu quả trên cơ sở các văn bản pháp luật được quy định đầy đủ, rõ ràng, đồng bộ, thống nhất và

khả thi; phù hợp với điều kiện cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của đất nước.

1.4.5. Các quy định về phạm vi, biện pháp, trách nhiệm của các cơ quan liên quan, Danh mục hàng hóa.

Pháp luật hiện hành cơ bản đã xác định rõ ràng trách nhiệm của cơ quan hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu của cơ quan chuyên ngành tại cửa khẩu. Luật cũng có quy định về quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia trong việc quản lý, lưu giữ hàng hóa xuất, nhập khẩu như doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu.

Một nội dung quan trọng tác động đến công tác quản lý chuyên ngành là các Bộ, ngành Ban hành danh mục hàng hóa cấm xuất nhập khẩu. Tất cả các Luật, ban hành kèm theo là các Nghị định, Thông tư quy định việc kiểm tra chuyên ngành, nhiều loại mặt hàng phải tiến hành kiểm tra chuyên ngành mới được thông quan.

1.4.6. Đội ngũ cán bộ, công chức chuyên làm công tác giám sát hải quan

Yếu tố xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hải quan, nhất là lực lượng chuyên làm công tác kiểm tra, giám sát là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành. Bởi lẽ, đường lối, chủ trương có đúng đắn, pháp luật có quy định đầy đủ và rõ ràng như thế nào, phương tiện vật chất có hiện đại đến đâu, nhưng khi con người yếu kém về đạo đức, hạn chế về năng lực, thì mọi vấn đề sẽ không thể được giải quyết.

1.4.7. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ

Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học của cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm tái thiết kế hệ thống công nghệ thông tin tổng thể của ngành Hải quan cũng góp phần quan trọng, tác động đến việc thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành. Cơ quan hải quan tiếp tục thực

hiện tốt vai trò điều phối trong việc triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN; đôn đốc các bộ, ngành triển khai nhiệm vụ, đẩy mạnh cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH TẠI QUẢNG BÌNH

2.1. Thực trạng pháp luật giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành

2.1.1. Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành các Bộ ngành

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải kiểm tra về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

TT	Bộ ngành quản lý	Loại hình kiểm tra chuyên ngành								Tổng cộng
		Kiểm dịch	Chất lượng	An toàn thực phẩm	Đo lường	Quy chuẩn	Hiệu suất năng lượng	Văn hóa phẩm	Phóng xạ	
1	Bộ Nông nghiệp và PTNT	x	x	x		x				4
2	Bộ Khoa học và Công nghệ		x		x	x			x	4
3	Bộ Công Thương		x	x		x	x			4
4	Bộ Y tế	x	x	x		x				4
5	Bộ Giao thông vận tải		x			x				2
6	Bộ Thông tin và Truyền thông		x			x				3
7	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch							x		1
8	Bộ Tài nguyên và Môi trường					x				1
9	Bộ Xây dựng					x				1
10	Bộ Công an		x							1
11	Bộ Tài chính								x	1

Hình 2: Loại hình kiểm tra chuyên ngành do từng Bộ quản lý

2.1.2. Quy định pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành

- Tại khoản 3 Điều 33 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP quy định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu, cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa, kho ngoại quan hoặc địa điểm kiểm tra tập trung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi thông quan. Ngoài các địa điểm trên, hàng hóa được đưa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa theo quy định của pháp luật về kiểm dịch.

- Về việc khai các thông tin trên tờ khai hải quan, tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 7 Điều 24 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP quy định người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, trung thực, rõ ràng các tiêu chí trên tờ khai hải quan, tự tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép trước khi đăng ký tờ khai hải quan và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Về trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại cửa khẩu trong việc kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải tại cửa khẩu, Điều 33 Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc đối tượng phải kiểm dịch thì phải thực hiện việc kiểm dịch tại cửa khẩu trước khi hoàn thành thủ tục hải quan trừ trường hợp pháp luật về kiểm dịch cho phép đưa hàng hóa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm thì cơ quan hải quan căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành để thực hiện việc kiểm tra theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên

ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định việc thông quan theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành.

- Về phối hợp lấy mẫu, kiểm tra chuyên ngành, Điều 33, Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định:

+ Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành. Cơ quan kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại địa điểm do người khai hải quan thông báo; trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro;

Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng cơ sở hạ tầng, bố trí máy móc, thiết bị phục vụ việc kiểm tra hàng hóa tại cửa khẩu, bao gồm cả việc kiểm tra thực tế hàng hóa của cơ quan hải quan và kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan quản lý chuyên ngành tại các cửa khẩu quốc tế có lưu lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu lớn. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức có liên quan tại cửa khẩu có trách nhiệm bố trí lực lượng để phối hợp kiểm tra theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

- Về địa điểm lưu giữ hàng hóa phục vụ kiểm tra chuyên ngành, tại khoản 3 Điều 33 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP quy định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu, cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa, kho ngoại quan hoặc địa điểm kiểm tra tập trung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi thông quan. Ngoài các địa điểm trên, hàng hóa được đưa về các địa điểm khác theo quy định.

2.1.3. Đánh giá quy định pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành.

Thực hiện các nghị quyết của Chính phủ, trong những năm qua, thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đã có những bước cải thiện đáng kể. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, tỉ lệ tờ khai phải quản lý, kiểm tra chuyên ngành đã giảm từ 30% năm 2015 xuống còn 19%. Đến nay có 100% thủ tục hải quan cốt lõi được thực hiện tự động trên Hệ thống VNACCS/VCIS, với số lượng doanh nghiệp tham gia trên 99%, thời gian thông quan luồng xanh chỉ từ 1 đến 3 giây. Nhiều văn bản được sửa đổi, bổ sung/ban hành mới theo hướng cải cách, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Đồng thời, bãi bỏ nhiều quy định không cần thiết. Cùng với đó, ban hành Danh mục hàng hóa thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: cắt giảm danh mục, chi tiết danh mục kèm mã số HS. Đặc biệt đã áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành ở những mức độ, hình thức khác nhau.

- Mặc dù đã đạt được những thành công và được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận, thì thực tế cho thấy, doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện các chính sách liên quan đến các hoạt động trong lĩnh vực thương mại qua biên giới, trong đó có kiểm tra chuyên ngành. Trên thực tế, kết quả đo thời gian giải phóng hàng tại cửa khẩu chỉ có trên 30% thời gian thông quan liên quan đến thủ tục hải quan, còn lại của các bộ, ngành khác.

- Trên thực tế, việc các bộ, ngành ban hành danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu cần quản lý chuyên ngành theo mã số HS sẽ giúp cho cơ quan Hải quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu thực hiện dễ dàng, thuận lợi hơn trong việc áp dụng chính sách mặt hàng và áp mã hàng hoá xuất nhập khẩu. Hạn chế việc tranh chấp giữa doanh nghiệp và cơ quan Hải quan trong việc xác định mặt hàng, áp mã thuế đối với mặt hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành, góp phần đẩy nhanh quá trình thông quan hàng hoá cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, công tác kê khai, kiểm tra mã số thuế và áp dụng các chính sách quản lý chuyên ngành được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác hơn. Việc cung cấp các dữ liệu về hàng hóa xuất nhập khẩu có điều kiện cho

công tác quản lý hiện đại hóa, phục vụ có hiệu quả cho công tác thông quan điện tử. Tuy nhiên, thời gian qua mục tiêu trên vẫn chưa được đáp ứng.

- Hầu hết các Bộ vẫn áp dụng hình thức thủ công, giấy tờ trong tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra. Thực tế, Cổng thông tin một cửa quốc gia đã đi vào hoạt động, đến nay đã có 10 Bộ tham gia thực hiện kết nối 31/khoảng 100 thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành, nhưng đa số là các thủ tục không phổ biến, vì thế hiệu quả cải cách thấp. Tại hầu hết các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu quốc gia đường bộ, đường biển, đường hàng không hiện nay đều chưa có đại diện của các cơ quan kiểm tra an toàn thực phẩm, chất lượng, tiêu chuẩn hàng hóa. Nhiều mặt hàng làm thủ tục hải quan ở cửa khẩu, liên hệ đại diện kiểm tra chuyên ngành lại không có mặt ở đó. Dù ngành Hải quan có thực hiện tờ khai điện tử, thủ tục Hải quan chỉ trong vài phút thì việc ách tắc hàng hóa ở cửa khẩu sẽ vẫn diễn ra.

- Bên cạnh đó, vẫn còn khá phổ biến tình trạng một mặt hàng bị điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật (Luật, Nghị định, Thông tư) trong cùng lĩnh vực hoặc thuộc các lĩnh vực khác nhau dẫn đến phải chịu sự quản lý của nhiều Bộ, với các cách quản lý khác nhau. Thậm chí, có mặt hàng chịu sự quản lý khác nhau của các đơn vị trong cùng một Bộ. Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành gồm: 430 văn bản. Có quá nhiều văn bản triển khai trong lĩnh vực này, trung bình 7 văn bản/ 1 nhóm hàng. Có nhóm hàng có số lượng văn bản điều chỉnh lên đến 30 văn bản. Như vậy doanh nghiệp và cơ quan chức năng liên quan gặp khó khăn trong việc theo dõi và thực hiện. Mặt khác, văn bản này thường xuyên được điều chỉnh, sửa đổi, thiếu tính ổn định, làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra trả cho các cơ quan kiểm tra chuyên ngành là rất lớn và trở thành gánh nặng cho doanh nghiệp, và lớn hơn rất nhiều là chi phí cơ hội mà doanh nghiệp phải chịu vì thời gian thông quan bị kéo dài, doanh nghiệp sẽ không thể đưa hàng hóa vào sản xuất, kinh doanh kịp thời.

- Trình tự, thủ tục và phương thức kiểm tra chưa thống nhất giữa các văn bản quy định, giữa quy định và thực tế triển khai; Còn tồn tại những quy định

chưa phù hợp, quá mức cần thiết như kiểm tra theo từng lô hàng, từng chủ hàng. Việc thừa nhận, công nhận hàng hóa nước ngoài có chất lượng cao còn hạn chế. Cùng với đó, nguyên tắc quản lý rủi ro đã được áp dụng nhưng chưa đầy đủ, hiệu quả; Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành còn hạn chế, chưa đồng bộ; Thông tin dữ liệu phân tán, đơn lẻ, chưa có cơ sở dữ liệu tập trung phục vụ công tác quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Thời gian qua, các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp đã tích cực, chủ động triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại đạt được một số kết quả đáng kể. Tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN của một số Bộ, ngành còn chậm, thiếu quyết liệt; kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu còn phức tạp, chồng chéo; giải pháp công nghệ, phương án đầu tư tài chính và tổ chức thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại còn có vướng mắc, khó khăn.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại tỉnh Quảng Bình.

2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình.

Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình, trực thuộc Tổng cục Hải quan, có chức năng quản lý nhà nước về hải quan và tổ chức thực thi pháp luật về hải quan, các quy định khác của pháp luật có liên quan trên địa bàn hoạt động của Cục Hải quan theo quy định của pháp luật. Địa bàn quản lý hải quan gồm các cửa khẩu đường bộ, cảng hàng không, cảng biển, cảng nội địa và kho ngoại quan: cửa khẩu quốc tế Cha Lo, cảng Gianh, cảng Hòn La, cửa khẩu phụ Cà Rồng, cảng hàng không Đồng Hới, cảng nội địa Đức Toàn, kho ngoại quan Đức Toàn. Hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh qua địa bàn tăng qua các năm.

Các loại mặt hàng xuất khẩu tại Quảng Bình tương đối nhiều, đa dạng chủng loại, trong đó các mặt hàng nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành gồm: cà phê, gạo, trái cây và nông sản các loại (kiểm dịch thực vật, kiểm tra an toàn thực phẩm); trâu, bò, gà (kiểm dịch động vật); phân bón kaly, muối công nghiệp (kiểm tra chất lượng); cây phong lan giống (kiểm dịch thực vật, giấy phép cites); cây chà là, cây cọ, cây hoa giấy (kiểm dịch thực vật, giấy phép nhập khẩu cây có bầu đất); kê huyết đằng (kiểm dịch thực vật, giấy phép nhập khẩu dược liệu); gỗ các loại (kiểm dịch thực vật).

Số lượng tờ khai xuất nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, quản lý chuyên ngành chiếm khoảng 60% tổng số tờ khai. Trong quá trình thực hiện công tác giám sát hải quan đối với hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, Cục hải quan tỉnh thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng trên địa bàn có liên quan để thực hiện các chỉ đạo liên quan đến công tác kiểm tra chuyên ngành, xử lý các vướng mắc, bất cập trong quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Thường xuyên tham gia nhiều ý kiến đối với các văn bản quy định về quản lý và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của các bộ, trong đó đề xuất cắt giảm danh mục, bãi bỏ thủ tục kiểm tra chuyên ngành trước thông quan.

Cục hải quan tỉnh Quảng Bình chú trọng việc áp dụng, triển khai thủ tục kiểm tra chuyên ngành thực hiện trên Hệ thống một cửa quốc gia đạt 65% tổng tờ khai phải kiểm tra chuyên ngành (thủ tục kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật trên cạn nhập khẩu, thủ tục đăng ký kiểm tra chất lượng nhà nước về phân bón nhập khẩu). Cục Thú y vẫn đang trong quá trình thực hiện nâng cấp hệ thống, việc đăng ký kiểm tra chuyên ngành trên Hệ thống một cửa quốc gia chưa thực hiện được, do đó hiện tại các Doanh nghiệp đang thực hiện việc đăng ký thủ công trên giấy.

2.2.2. Vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình.

- Nhiều mặt hàng nhập khẩu phải đồng thời chịu nhiều hình thức quản lý, kiểm tra chuyên ngành do một bộ hoặc nhiều bộ quy định. Chẳng hạn các mặt hàng sản phẩm của sữa như: sữa chua, pho-mát phải chịu sự quản lý và kiểm tra chuyên ngành của hai bộ, vừa phải kiểm dịch động vật, vừa phải kiểm tra an toàn thực phẩm. Hay như các giống cây trồng, gạch, đá, kính phải kiểm tra chất lượng và cấp Giấy chứng nhận hợp quy; trang thiết bị y tế, thuốc, nguyên liệu sản xuất thuốc... vừa xin giấy phép xuất nhập khẩu, vừa kiểm tra chất lượng. Thậm chí mặt hàng phân bón phải chịu 3 loại quản lý hoặc kiểm tra, gồm giấy phép nhập khẩu tự động, kiểm tra chất lượng sản phẩm, chứng nhận hợp quy.

- Có trường hợp một mặt hàng nhưng lại chịu nhiều hình thức quản lý của cùng một bộ quản lý chuyên ngành. Ví dụ mặt hàng kén tằm vừa phải kiểm dịch động vật và kiểm dịch thực vật; thịt và các sản phẩm từ thịt vừa phải kiểm dịch động vật, kiểm tra chất lượng, vừa phải kiểm tra an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mặt hàng thuốc và nguyên liệu sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế vừa xin giấy phép nhập khẩu, vừa phải kiểm tra chất lượng của Bộ Y tế. Nội hơi vừa phải kiểm tra tiêu chuẩn, điều kiện nhập khẩu và kiểm tra chất lượng/an toàn lao động.....

- Vương mắc về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y, không quy định chi tiết thi hành Điều 45 và Điều 46 của Luật Thú y, không quy định mẫu “văn bản đồng ý kiểm dịch”; Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT30/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn không có nội dung quy định chi tiết mẫu “văn bản đồng ý kiểm dịch” và các tiêu chí quản lý cụ thể của văn bản này. Từ cơ sở pháp lý dẫn trên, có thể thấy, mẫu “văn bản đồng ý kiểm dịch” và các tiêu chí quản lý cụ thể của văn bản này thuộc thẩm quyền của Cục Thú y và do chính Cục Thú y triển khai thực hiện. Như vậy, quy định của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đối với thủ tục cấp “văn bản đồng ý kiểm dịch” là chưa rõ ràng, minh bạch, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Hiện danh mục các mặt hàng phải kiểm dịch động vật còn khoảng 500 dòng hàng, đã giảm nhiều nhưng vẫn còn một số mặt hàng đã qua chế biến sâu, đã đóng gói để bán lẻ, không có nguy cơ nhiễm dịch chưa được xem xét để loại trừ. Mặt khác, các mặt hàng này vừa thuộc diện phải kiểm dịch, vừa thuộc diện phải kiểm tra an toàn thực phẩm hoặc kiểm tra chất lượng (đối với thức ăn chăn nuôi).

- Vương mắc về loại hình kiểm tra chất lượng: Nghị định 74/2018/NĐ-CP quy định đối với hàng hóa nhóm 2 thực hiện đăng ký và kiểm tra chuyên ngành theo 2 trường hợp là “Đăng ký trước thông quan, kiểm tra sau thông quan” và “Đăng ký trước thông quan, kiểm tra trước thông quan”. Việc xác nhận đăng ký kiểm tra của một số cơ quan kiểm tra chuyên ngành thực hiện chưa đúng theo quy định của Nghị định 74/2018/NĐ-CP. Mặt khác, Nghị định 74/2018/NĐ-CP quy định phải xác nhận đăng ký kiểm tra đối với toàn bộ hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhóm 2 là quy định còn mang tính cứng nhắc, nặng về thủ tục và tính cải cách chưa cao.

+ Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu được thực hiện thông qua việc xem xét hoạt động công bố hợp quy của người nhập khẩu. Việc công bố hợp quy được quy định chi tiết tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo một số các biện pháp. Quy định trên thực chất là ảnh hưởng quy định về kiểm tra chất lượng trong quy chuẩn kỹ thuật, gây nhiều khó khăn trong việc tra cứu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của từng mặt hàng nhập khẩu tương ứng với biện pháp

+ Quy định “Đăng ký trước thông quan, kiểm tra sau thông quan” tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP, tuy rằng kết quả đã giảm mạnh về số lượng các lô hàng phải kiểm tra trước thông quan, nhưng sau đó doanh nghiệp vẫn phải thực hiện chứng nhận hợp quy 100% các lô hàng đã đăng ký kiểm tra, do đó, thực chất quy định này không giảm đối tượng hàng hóa phải kiểm tra (chỉ chuyển từ kiểm tra trước sang kiểm tra sau), cho nên, về chi phí kiểm tra không

có sự thay đổi, chi phí kiểm tra chất lượng cũng là gánh nặng không nhỏ của doanh nghiệp.

- Vương mắc về kiểm tra hiệu suất năng lượng: Hiện tại chưa có văn bản pháp luật của cơ quan có thẩm quyền quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ, đăng ký, kiểm tra, thời điểm kiểm tra hiệu suất năng lượng đối với thiết bị nhập khẩu. Do đó, Bộ Công Thương đã có các công văn hướng dẫn, tuy nhiên không đề cập đến thời điểm đăng ký kiểm tra hiệu suất năng lượng (trước thông quan hoặc sau thông quan), doanh nghiệp vẫn phải đăng ký kiểm tra trước thông quan, đây vẫn là một vướng mắc phát sinh trong quá trình làm thủ tục nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Vương mắc về cơ quan cấp phép: Đa số là cấp Bộ và cơ quan trực thuộc Bộ đều ở Trung ương (Hà Nội) một số ít cơ quan có đại diện giải quyết ở các miền Trung. Nên xem xét việc tăng cường phân cấp cho cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương thực hiện để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Trường hợp hàng hóa có nguy cơ cao mới cần thiết cơ quan trung ương cấp phép.

- Tuy đã được các Bộ ngành xem xét cắt giảm nhiều trong thời gian vừa qua, tuy nhiên vẫn còn một số nhóm ngành hàng có thể giảm tiếp việc cấp phép, vì thay thế việc quản lý bằng giấy phép nhập khẩu, hàng hóa sau khi nhập khẩu còn phải chịu các hình thức quản lý, kiểm tra khác nhau của cơ quan chức năng.

- Về phối hợp quản lý hàng hóa đưa về bảo quản để phục vụ kiểm tra chuyên ngành giữa các cơ quan chức năng còn nhiều hạn chế, không kịp thời, trường hợp doanh nghiệp không chấp hành, bỏ trốn kiểm tra chuyên ngành, tự ý đưa hàng ra tiêu thụ, khi có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì không còn hàng để xử lý, việc khắc phục hậu quả gặp nhiều khó khăn.

- Tiềm ẩn nguy cơ doanh nghiệp dễ thông đồng, bắt tay với các cơ quan kiểm tra chuyên ngành để làm giả kết quả kiểm tra, qua đó nhập khẩu các mặt hàng không đảm bảo chất lượng vào lãnh thổ Việt Nam.

2.2.3. Nguyên nhân của vướng mắc

- Nguyên nhân chủ yếu là một số bộ, ngành còn thiếu quyết liệt và khẩn trương trong triển khai các nhiệm vụ để cải cách toàn diện hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; thiếu sự kết nối, trao đổi và chia sẻ thông tin giữa cơ quan kiểm tra chuyên ngành và cơ quan hải quan nên dẫn đến khó khăn cho quá trình thực hiện.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động kiểm tra chuyên ngành chưa đồng bộ, thống nhất. Trình tự, thủ tục kiểm tra còn qua nhiều bước, quá mức cần thiết, không thống nhất. Doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần, tiếp xúc với nhiều đầu mối cơ quan nhà nước.

- Tình trạng chồng chéo trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành, nguyên nhân là do các bộ quản lý chuyên ngành chưa thống nhất trong phương thức quản lý; khi ban hành chưa đánh giá tác động đầy đủ. Danh mục hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra quá rộng, không chi tiết tên hàng, không có mã số HS code. Nhiều văn bản ban hành đã lâu, không còn phù hợp với thực tế nhưng chưa được thực hiện bãi bỏ các văn bản này...

- Hiện còn thiếu vắng phương thức cung cấp thông tin toàn diện, tập trung, dễ hiểu và dễ sử dụng. Các bộ, ngành thường có hạ tầng thông tin riêng để phổ biến thông tin, nhưng mỗi bộ ngành lại chỉ tập trung vào mảng thông tin chuyên ngành trong lĩnh vực mình quản lý.

- Một số nguyên tắc quản lý rủi ro trong kiểm tra chất lượng hàng xuất khẩu, nhập khẩu chưa được áp dụng hoặc đã áp dụng nhưng chưa hiệu quả. Ngoài ra, một số thủ tục kiểm tra chuyên ngành còn thực hiện thủ công. Một số thủ tục đã chuyển sang hình thức điện tử nhưng chưa toàn diện, một số bước vẫn yêu cầu hồ sơ giấy.

- Một số phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính kiểm tra chuyên ngành còn mang tính chất hình thức để đạt được mục tiêu của Chính phủ; một số phương án cắt giảm, đơn giản hoá danh mục sản phẩm, hàng hoá kiểm tra chuyên ngành chỉ mang tính gộp cơ học để giảm về số lượng nhưng thực chất các hàng hoá, sản phẩm này vẫn được thực hiện kiểm tra chuyên ngành.

- Tình trạng chồng chéo trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành, vẫn còn khá phổ biến khi một mặt hàng bị điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật (luật, nghị định, thông tư) trong cùng lĩnh vực hoặc thuộc các lĩnh vực khác nhau dẫn đến phải chịu sự quản lý của nhiều bộ, với các cách quản lý khác nhau. Thậm chí, có mặt hàng chịu sự quản lý khác nhau của các đơn vị trong cùng một Bộ.

- Việc quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu chủ yếu là tiền kiểm, thực hiện trước khi thông quan; kiểm tra chuyên ngành quá mức cần thiết, kiểm tra theo lô hàng (chưa áp dụng quản lý rủi ro, quản lý trên cơ sở đánh giá sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp). Ứng dụng công nghệ thông tin trực tuyến trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành rất hạn chế, hầu hết các bộ vẫn áp dụng hình thức thủ công, giấy tờ trong tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra.

CHƯƠNG 3:
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁM SÁT QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THUỘC ĐIỆN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành

3.1.1. Phù hợp với các điều kiện thực tiễn và xu hướng phát triển kinh tế xã hội

Thế chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn và đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, doanh nghiệp. Để lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương về xây dựng bộ máy nhà nước, tổ chức quyền lực nhà nước, nhất là về phân công, phân cấp giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương với địa phương, xây dựng và ban hành các nghị quyết về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, sáp nhập hoặc chia tách các đơn vị hành chính trên cả nước, các cơ quan bộ, các ngành từ Trung ương đến địa phương, phù hợp với thực tiễn (cơ cấu tổ chức, bộ máy, số lượng bộ, ngành, biên chế, nguyên tắc hoạt động...).

3.1.2. Gắn liền với đổi mới và cải cách thủ tục hành chính về hải quan.

Tổng cục Hải quan cần tiếp tục xây dựng nền tảng pháp luật về Hải quan hiện đại, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng, triển khai mô hình hải quan thông minh và thực hiện nhiệm vụ đầu mối kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu tại cửa khẩu. Các quy định pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có tính gắn kết chặt chẽ, thống nhất. Cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng minh bạch, đơn giản, thống nhất, phù hợp với các

chuẩn mực và khuyến nghị của Tổ chức Hải quan thế giới nhằm giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục thông quan, giải phóng hàng.

3.1.3. Đảm bảo hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngành Hải quan cần tiếp tục tăng cường đẩy mạnh công tác hợp tác và hội nhập quốc tế về hải quan toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả, nâng cao vai trò, vị thế và uy tín của Hải quan Việt Nam trong cộng đồng hải quan thế giới; phát triển quan hệ hợp tác, đối tác giữa Hải quan với các bên liên quan tạo nền tảng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Hải quan. Nâng cao mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, trong đó có công tác liên quan đến kiểm tra chuyên ngành.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành

- Rà soát, kiến nghị sửa đổi hệ thống pháp luật về quản lý và kiểm tra chuyên ngành để thực hiện Đề án Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng tiếp tục đơn giản, hài hòa hóa thủ tục hải quan, các chế độ quản lý hải quan theo chuẩn mực của Hải quan thế giới, tạo nền tảng để tái thiết kế các quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh.

- Tập trung hóa, hiện đại hóa, tự động hóa công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; đẩy mạnh kiểm tra trước và sau thông quan; triển khai mô hình biên giới thông minh, hải quan xanh; cải cách mô hình kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu. Tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp, ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng.

- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, máy móc, trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về hải quan trong tình hình mới, thực hiện Cơ

ché một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, kết nối với các đối tác thương mại của Việt Nam... nhằm tập trung hóa tối đa xử lý thủ tục hành chính, kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ quan Hải quan với các bộ, ngành và đơn vị có liên quan tham gia chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu quản lý doanh nghiệp, quản lý toàn diện từ khâu đầu đến khâu cuối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về về giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành

3.3.1. Ban hành đầy đủ Danh mục các mặt hàng thuộc diện kiểm tra chuyên ngành theo hướng thu hẹp diện kiểm tra chuyên ngành và tập trung trọng điểm những mặt hàng cần kiểm tra.

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phải phối hợp với cơ quan chức năng rà soát thống nhất Danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành theo hướng không chồng chéo đối với cùng một mặt hàng phải qua kiểm tra của nhiều cơ quan khác nhau. Khẩn trương ban hành Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành tại khâu thông quan hàng hóa theo đúng Nghị quyết số 19/2017/NQ-CP ngày 6/2/2017 của Chính phủ. Rà soát, làm rõ căn cứ pháp lý và mục đích yêu cầu của từng loại giấy tờ kiểm tra chuyên ngành. Trường hợp xác định loại chứng từ có tên gọi khác nhau nhưng bản chất nội dung kiểm tra tương tự nhau thì sửa đổi, điều chỉnh theo hướng thống nhất dùng một loại chứng từ để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp.

3.3.2. Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành làm căn cứ để kiểm tra.

Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) với vai trò là cơ quan thường trực Ủy ban quốc gia về Cơ chế một cửa ASEAN, Cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại, Bộ Tài chính cần làm việc, phối hợp với các bộ, ngành rà soát Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành khi nhập khẩu và nêu rõ văn bản ban hành, công bố danh mục hàng hóa. Đối với từng Danh mục

sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành khi nhập khẩu, phải nêu rõ tên sản phẩm, hàng hóa, mã số HS; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng với từng sản phẩm, hàng hóa; sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn quốc gia.

3.3.3. Củng cố, xây dựng và hoàn thiện bộ máy kiểm tra chuyên ngành đáp ứng với yêu cầu thực tiễn trong trong giai đoạn hiện nay

Đây mạnh đổi mới bộ máy kiểm tra chuyên ngành tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý, khắc phục triệt để những chồng chéo, giao thoa về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ; đảm bảo nguyên tắc một loại hàng hóa chỉ giao một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính kiểm tra chuyên ngành. Phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ tập trung vào xây dựng thể chế kiến tạo phát triển, quản trị quốc gia và tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần thượng tôn pháp luật, tạo ra tầm nhìn tốt và chính sách tốt; sự tương tác thân thiện với xã hội, người dân, với thị trường và doanh nghiệp; tạo ra và chia sẻ sự phát triển. Tích cực đổi mới phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để kiến tạo phát triển và phục vụ doanh nghiệp, người dân.

3.3.4. Áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra chuyên ngành, áp dụng phương pháp kiểm tra chuyên ngành trên cơ sở phân tích thông tin rủi ro nhằm giảm thời gian thông quan hàng hóa

Để áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan phải phối hợp với các bộ, ngành rà soát, công bố danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép và thuộc diện quản lý chuyên ngành của các bộ, ngành; hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành, phục vụ công tác phân luồng kiểm tra.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các đơn vị hải quan đã tiến hành thu thập thông tin danh mục hàng hóa, chính sách quản lý chuyên ngành đối với

hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; thông tin hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; từ đó, nhận diện rủi ro, phân tích chính sách quản lý chuyên ngành, đánh giá rủi ro đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu - đối tượng của chính sách quản lý chuyên ngành.

Khi đã nhận diện được rủi ro, cơ quan hải quan áp dụng tiêu chí phân luồng kiểm tra, giám sát hải quan theo chính sách quản lý chuyên ngành của các bộ, ngành, cơ quan ban hành chính sách; đồng thời, xác lập và quản lý danh sách doanh nghiệp trọng điểm rủi ro hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa thuộc chính sách quản lý chuyên ngành; sau đó quay lại xây dựng, quản lý và thực hiện các kỹ thuật nghiệp vụ kiểm soát rủi ro hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa thuộc chính sách quản lý chuyên ngành.

3.3.5. Một số giải pháp nâng cao và hoàn thiện các quy định của pháp luật giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình thường xuyên làm tốt công tác rà soát, kiến nghị cấp trên sửa đổi hệ thống pháp luật về quản lý và kiểm tra chuyên ngành. Tích cực nghiên cứu, tham mưu, tham gia góp ý các dự thảo văn bản liên quan đến công tác kiểm tra chuyên ngành.

- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng tiếp tục đơn giản, hài hòa hóa thủ tục hải quan; thực hiện tốt công tác kiểm tra trước và sau thông quan; Vận hành hiệu quả các chương trình, phần mềm cải cách hiện đại hóa hải quan như Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống thông quan tự động (VNACCS/VCIS), Chương trình nộp thuế điện tử 24/7... Tập trung rà soát lại đội ngũ cán bộ, công chức ở các khâu, dây chuyền thủ tục ở các chi cục hải quan cửa khẩu để bố trí cán bộ, công chức vừa đủ, vừa có chất lượng, để thao tác thủ tục nhanh, rút ngắn thời gian thông quan;

- Thường xuyên tổ chức định kỳ các hội nghị đối thoại với doanh nghiệp thường xuyên thực hiện thủ tục hải quan, trong đó tập trung giới thiệu một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hải quan và các văn bản pháp luật có

liên quan được ban hành, giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp. Nhiều hình thức như: Tư vấn thủ tục hải quan trực tiếp, qua điện thoại, văn bản, qua cổng thông tin điện tử của đơn vị...

- Thường xuyên thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ để chấn chỉnh, xử lý kịp thời các hành vi làm ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Cùng với đó, tăng cường sự phối hợp với các cơ quan, ban ngành tại cửa khẩu để giải quyết thủ tục hải quan nhanh chóng; phối hợp các đơn vị vụ, cục thuộc Tổng cục Hải quan để kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình tham gia thủ tục hải quan của cộng đồng doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Đứng trước những yêu cầu nhiệm vụ ngày càng nặng nề trong công tác tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế và kiểm soát sự tuân thủ của doanh nghiệp trong quá trình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, Luận văn thạc sĩ “Pháp luật giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, qua thực tiễn tại Cục hải quan tỉnh Quảng Bình” đã phân tích thực tiễn và xây dựng các giải pháp cốt lõi để nâng cao hiệu quả công tác giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, mục tiêu đáp ứng được yêu cầu đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế, tạo hàng rào kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu, bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước, bảo vệ môi trường, quyền lợi và sức khỏe cộng đồng.

Luận văn đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản, khoa học, phân tích nội hàm của công tác quản lý, giám sát hải quan hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu ở Việt Nam, cũng như tại tỉnh Quảng Bình. Đưa ra một số kinh nghiệm liên quan đến quản lý hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu,

Luận văn đã phân tích thực trạng quản lý hải quan hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình, liên quan đến tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kiểm tra chuyên ngành; công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, văn bản quy định về kiểm tra chuyên ngành; việc tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản cũng như việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Vẫn còn tồn tại một số hạn chế, nguyên nhân về cơ bản liên quan đến việc xây dựng cơ chế chính sách chưa đồng bộ, chưa xác định rõ trách nhiệm của cơ quan kiểm tra chuyên ngành trong việc quản lý hàng hóa; cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực còn thiếu, yếu; việc phối hợp giữa các cơ quan liên quan chưa hiệu quả; việc điện tử hóa thực hiện quản lý hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu còn hạn chế...

Luận văn đã xây dựng, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình. Đó chính là tiếp tục đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý, chính sách, quy định cho hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; Tăng cường cơ chế phối hợp trong hoạt động quản lý chuyên ngành giữa cơ quan hải quan và các Bộ, ngành liên quan; Đổi mới phương pháp, cách thức, quy trình kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; Tăng cường đầu tư máy móc, thiết bị, nâng cao chất lượng nhân lực cho các đơn vị kiểm tra chuyên ngành; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Quá trình nghiên cứu, hoàn thành Luận văn thạc sĩ do hạn chế về thời gian và nguồn lực nên chưa thể bao quát hết tất cả các vấn đề về quản lý hoạt động giám sát kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, vì vậy Luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định.

Vì vậy, Học viên mong nhận được ý kiến đóng góp của các Thầy, Cô giáo và Bạn đọc để hoàn thiện hơn nội dung Luận văn cả về lý luận và thực tiễn, đồng thời có thể phát triển hơn nữa công trình nghiên cứu này trong thời gian tới.

Xin chân thành cảm ơn./.